



Thứ sáu, ngày 21 tháng 6 năm 2019

## Vietnam Daily Review

Phiên cơ cấu danh mục ETF

### Dự đoán xu hướng thị trường

|                     | Tiêu cực | Trung lập | Tích cực |
|---------------------|----------|-----------|----------|
| Ngày 24/6/2019      |          | •         |          |
| Tuần 24/6-28/6/2019 |          | •         |          |
| Tháng 6/2019        |          | •         |          |

### Điểm nhấn

- Chỉ số VN-Index tăng nhẹ trong phiên sáng, đà tăng ở phiên sáng bị thu hẹp trong phiên chiều.
- Nhóm cổ phiếu kéo chỉ số tăng điểm nhiều nhất bao gồm VNM (+1.14 điểm); SAB (+0.57 điểm); MSN (+0.52 điểm); CTG (+0.44 điểm); GAS (+0.4 điểm)
- Nhóm cổ phiếu khiến thị trường giảm điểm bao gồm VIC (-1.49 điểm); VCB (-0.55 điểm); VRE (-0.41 điểm); PLX (-0.19 điểm); BVH (-0.18 điểm)
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index trong phiên hôm nay đạt 4,024.9 tỷ đồng, tăng 33.39% so với phiên trước. Biên độ dao động trong phiên hôm nay là 5.4 điểm. Thị trường có 131 mã tăng và 146 mã giảm.
- Kết thúc phiên giao dịch ngày hôm nay, VN-Index tăng 0.02 điểm, đóng cửa tại 959.2 điểm. Tuy nhiên, HNX-Index giảm 0.21 điểm xuống 104.85 điểm.
- Khối ngoại hôm nay đã bán ròng 351.2 tỷ đồng trên sàn HOSE tập trung tại các mã STB (130.71 tỷ), DPM (90.77 tỷ) và NVL (47.17 tỷ). Tuy nhiên, họ mua ròng 0.22 tỷ đồng trên sàn HNX.

### Nhận định thị trường

Trong phiên sáng, chỉ số VN-Index tăng nhẹ với lực mua tập trung vào các cổ phiếu bluechips như GAS, VHM, SAB, VNM, VIC, POW và nhóm cổ phiếu ngân hàng như VCB, TCB, TPB. Trong phiên chiều, đà tăng trong phiên sáng bị thu hẹp và đóng cửa ở mức 959.2 do VIC, POW, VCB quay đầu giảm. Khối ngoại tiếp bán ròng mạnh trong phiên hôm nay. Theo quan điểm của BSC, thị trường tiếp tục đà phục hồi nhẹ trong phiên cuối tuần với thanh khoản cải thiện mạnh mẽ do hoạt động cơ cấu danh mục của ETF. Nhà đầu tư nên tiếp tục theo dõi các sự kiện quốc tế đáng chú ý như cuộc họp thượng đỉnh G20 cùng cuộc gặp giữa Trung- Mỹ về căng thẳng thương mại diễn ra vào cuối tuần sau, khả năng biến động mạnh của giá dầu thế giới do rủi ro chiến sự nổ ra khi căng thẳng Iran-Mỹ leo thang cùng cuộc họp sản lượng của OPEC+ trong đầu tháng 7.

### Phân tích kỹ thuật:

#### NLG\_Tăng giá

(Vui lòng tải và xem trang 2)

### Câu chuyện cuối tuần:

#### XIN TIỀN TIẾN..

(Vui lòng tải và xem trang 3)

### iBroker:

Cập nhật FRT, VIB, DRC, ACB

### BSC RESEARCH

#### Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

#### Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Quang

quangd@bsc.com.vn

**VN-INDEX** **959.20**

Giá trị: 4025 tỷ **0.02 (0%)**

Khối ngoại (ròng): -351.2 tỷ

**HNX-INDEX** **104.85**

Giá trị: 317.87 tỷ **-0.21 (-0.2%)**

Khối ngoại (ròng): 0.22 tỷ

**UPCOM-INDEX** **55.12**

Giá trị: 217.1 tỷ **-0.03 (-0.05%)**

Khối ngoại(ròng): 5.83 tỷ

### Thông số vĩ mô

|                    | Giá trị | %      |
|--------------------|---------|--------|
| Giá dầu            | 57.3    | 0.33%  |
| Giá vàng           | 1,390   | 0.08%  |
| Tỷ giá USD/VND     | 23,305  | -0.03% |
| Tỷ giá EUR/VND     | 26,224  | 0.52%  |
| Tỷ giá JPY/VND     | 21,686  | -0.13% |
| LS liên NH 1 tháng | 3.5%    | 7.52%  |
| LS TPCP 5 năm      | 3.8%    | -0.65% |

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

### Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

| Top mua | Giá trị | Top bán | Giá trị |
|---------|---------|---------|---------|
| POW     | 85.5    | STB     | 130.7   |
| BVH     | 19.1    | DPM     | 90.8    |
| HPG     | 18.6    | NVL     | 47.2    |
| VNM     | 16.1    | HNG     | 44.5    |
| VJC     | 14.9    | SBT     | 37.5    |

Nguồn: BSC Research

|                      |         |
|----------------------|---------|
| Tổng quan thị trường | Trang 1 |
| Phân tích kỹ thuật   | Trang 2 |
| Câu chuyện cuối tuần | Trang 3 |
| Cổ phiếu lớn         | Trang 4 |
| Thống kê thị trường  | Trang 5 |
| Báo cáo mới nhất     | Trang 6 |
| iBroker              | Trang 7 |
| iINVEST              | Trang 8 |
| Khuyến cáo sử dụng   | Trang 9 |

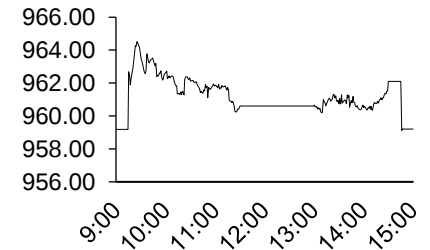
| Mã  | Thanh khoản (tr \$) | Đóng cửa (nghìn) | Hỗ trợ (nghìn) | Kháng cự (nghìn) | Trạng thái | Ghi chú                    |
|-----|---------------------|------------------|----------------|------------------|------------|----------------------------|
| VNM | 14.2                | 125.5            | 125.22         | 136.00           | MUA MẠNH   | Giảm giá kéo dài           |
| VJC | 3.0                 | 123.2            | 118.00         | 125.00           | MUA        | Tăng giá kéo dài           |
| VIC | 3.0                 | 114.5            | 105.00         | 118.90           | NGƯNG MUA  | Điều chỉnh trong trung hạn |
| GAS | 0.9                 | 105.5            | 99.60          | 113.50           | NGƯNG BÁN  | Hồi phục trong ngắn hạn    |
| MWG | 2.0                 | 91.0             | 84.10          | 94.82            | NGƯNG MUA  | Tăng giá kéo dài           |
| ACV | 0.7                 | 86.3             | 79.00          | 89.09            | MUA        | Tăng giá kéo dài           |
| MSN | 2.7                 | 84.0             | 78.90          | 91.60            | MUA        | Giảm giá kéo dài           |
| PNJ | 1.1                 | 74.2             | 71.00          | 79.60            | NGƯNG BÁN  | Giảm giá trong trung hạn   |
| VCB | 5.5                 | 71.0             | 64.00          | 74.33            | NGƯNG MUA  | Tăng giá kéo dài           |
| PLX | 1.4                 | 63.0             | 60.00          | 65.20            | MUA        | Tăng giá kéo dài           |

**Đặng Quang**

[quangd@bsc.com.vn](mailto:quangd@bsc.com.vn)

Hình 1

**HSX-Index Intraday**



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

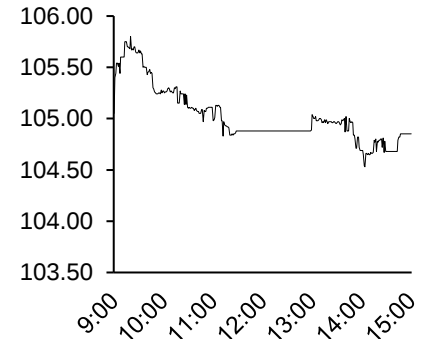
## Phân tích kỹ thuật

**NLG\_Tăng giá**

**Điểm nhấn kỹ thuật:**

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Hội tụ âm, MACD cắt lên.
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, RSI chạm kênh Bollinger trên.
- Đường MA: MA20 hội tụ với MA50 và nằm trên MA200

**Nhận định:** Cổ phiếu NLG vẫn đang nằm trong xu hướng tăng giá từ ngưỡng đáy 28. Vị thế hồi phục khá mạnh khi thanh khoản cổ phiếu liên tiếp tăng trưởng trong các phiên gần đây với giá trị vượt xa ngưỡng trung bình 20 phiên. Chỉ báo RSI đang duy trì xu hướng tăng điểm và chỉ báo MACD đang ủng hộ xu hướng đi ngang. Dải mây Ichimoku đang nâng đỡ đường giá cho thấy xu hướng tăng giá trung hạn vẫn đang được củng cố. Như vậy, NLG sẽ tiếp tục tăng giá đến ngưỡng kháng cự cũ tại mức giá 33. Nếu thành công vượt ngưỡng giá này với mức thanh khoản cao NLG có thể hồi phục về ngưỡng giá 35.



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

**Bảng 1**

**Hợp đồng tương lai**

| Ticker    | Đóng  | ± Ngày  | ± KLGD  |
|-----------|-------|---------|---------|
| VN30F1907 | 885.0 | 0.1%    | 38.7%   |
| VN30F1908 | 884.7 | #DIV/0! | #DIV/0! |
| VN30F1909 | 890.0 | 0.3%    | -72.6%  |
| VN30F1912 | 889.9 | 0.0%    | 5.5%    |

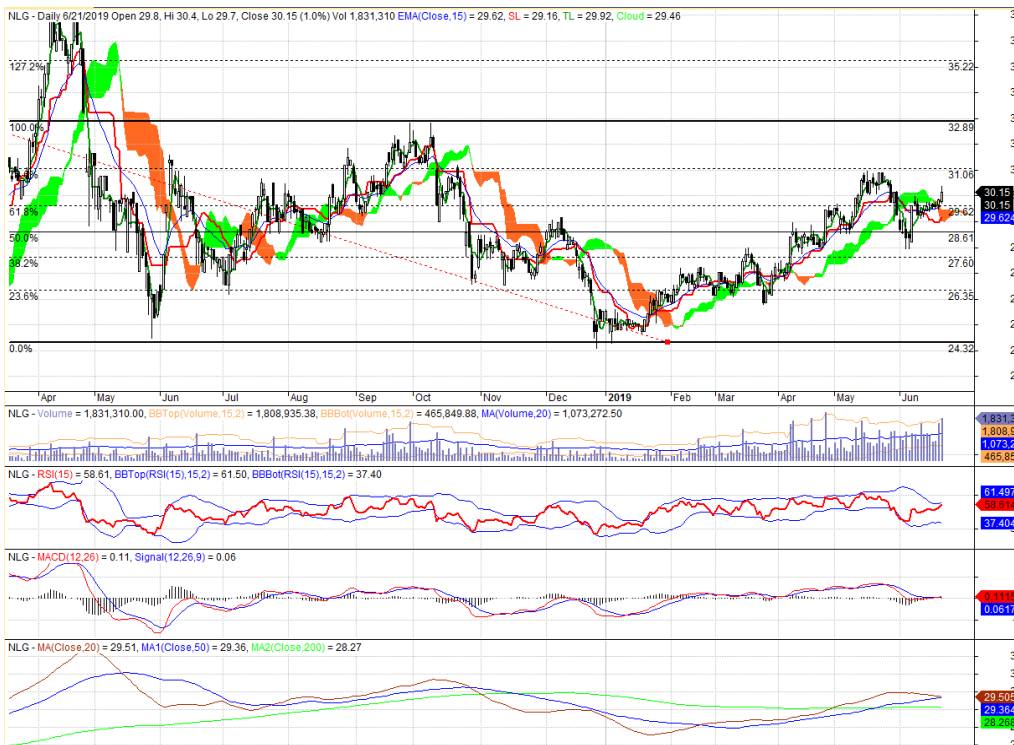
**Bảng 2**

**Top tăng điểm VN30**

| CK  | Giá | ± giá (%) | Index pt |
|-----|-----|-----------|----------|
| VNM | 126 | 1.8       | 1.4      |
| MSN | 84  | 1.8       | 1.0      |
| TCB | 21  | 1.0       | 0.6      |
| SAB | 278 | 1.1       | 0.3      |
| VPB | 19  | 0.5       | 0.2      |

**Top giảm điểm VN30**

| CK  | Giá | ± giá (%) | Index pt |
|-----|-----|-----------|----------|
| VIC | 115 | -1        | -0.9     |
| VRE | 34  | -2        | -0.4     |
| EIB | 18  | -1        | -0.3     |
| HDB | 27  | -1        | -0.3     |
| NVL | 57  | -1        | -0.3     |



## XIN TIỀN TIỀN..

*Nguồn: Sưu tầm*

Có hai anh hay nói láo. Một hôm, cùng đi tắm với nhau, anh nọ muốn lòn anh kia, nên mang theo năm tiền của mình rồi lặn cuống nước, lúc ngoi lên chìa năm tiền ra, nói:

- Tao lặn xuống gặp hai ông tiên đang đánh cờ. Tao vào xem thì hai ông ấy cho tao năm tiền bảo đi chỗ khác. Tao mừng quá bơi lên đây. Anh kia biết anh này nói láo, định xỏ lại. Anh ta giả bộ tin là thật, hỏi:

- Thét à! Thét thì để tao lặn xuống xem, may ra xin được mấy tiền nữa thì hay. Nói rồi liền lặn xuống. Một lát bơi lên:

- Tao lại gặp hai ông tiên đánh cờ. Tao mon men đến định xin tiền, thì hai ông ấy mắng, bảo: “Thằng trước xuống đây, đã cho năm tiền bảo về chia nhau. Vậy còn xuống quấy rầy gì nữa!” Biết là bị xỏ, nhưng anh nọ cũng đành phải chia cho anh kia hai tiền rưỡi.

| Mã  | Ngành             | Đóng cửa<br>(nghìn VND) | % Ngày | Beta | Vốn hóa<br>(Triệu USD) | Thanh khoản<br>(triệu USD) | EPS<br>(VND) | P/E  | P/B  | NN sở hữu | ROE   |
|-----|-------------------|-------------------------|--------|------|------------------------|----------------------------|--------------|------|------|-----------|-------|
| MWG | Bán lẻ            | 91.0                    | 0.3%   | 0.7  | 1,752                  | 2.0                        | 7,159        | 12.7 | 4.0  | 49.0%     | 36.0% |
| PNJ | Bán lẻ            | 74.2                    | 0.7%   | 1.0  | 718                    | 1.1                        | 4,802        | 15.5 | 4.1  | 49.0%     | 29.1% |
| BVH | Bảo hiểm          | 79.5                    | -1.1%  | 1.3  | 2,423                  | 1.7                        | 1,622        | 49.0 | 3.7  | 25.4%     | 7.7%  |
| PVI | Bảo hiểm          | 37.1                    | 0.0%   | 0.7  | 373                    | 0.1                        | 2,459        | 15.1 | 1.2  | 51.2%     | 8.1%  |
| VIC | Bất động sản      | 114.5                   | -1.3%  | 1.1  | 16,657                 | 3.0                        | 1,303        | 87.9 | 6.5  | 15.0%     | 8.9%  |
| VRE | Bất động sản      | 34.3                    | -1.7%  | 1.1  | 3,473                  | 2.9                        | 1,033        | 33.2 | 2.8  | 32.3%     | 8.8%  |
| NVL | Bất động sản      | 57.0                    | -1.0%  | 0.8  | 2,306                  | 3.1                        | 3,686        | 15.5 | 2.7  | 7.1%      | 20.8% |
| REE | Bất động sản      | 32.3                    | 0.3%   | 1.1  | 435                    | 0.4                        | 5,659        | 5.7  | 1.1  | 49.0%     | 20.6% |
| DXG | Bất động sản      | 19.1                    | 3.0%   | 1.4  | 291                    | 1.3                        | 3,364        | 5.7  | 1.3  | 47.4%     | 25.1% |
| SSI | Chứng khoán       | 25.1                    | 0.0%   | 1.3  | 556                    | 1.9                        | 2,169        | 11.6 | 1.4  | 58.6%     | 11.9% |
| VCI | Chứng khoán       | 32.7                    | 0.0%   | 1.0  | 232                    | 0.0                        | 5,067        | 6.5  | 1.5  | 37.5%     | 24.7% |
| HCM | Chứng khoán       | 24.0                    | 1.5%   | 1.5  | 319                    | 0.6                        | 2,009        | 11.9 | 1.0  | 56.1%     | 14.1% |
| FPT | Công nghệ         | 45.4                    | 0.0%   | 0.9  | 1,339                  | 1.7                        | 4,061        | 11.2 | 2.3  | 53.9%     | 21.9% |
| FOX | Công nghệ         | 40.0                    | 0.0%   | 0.4  | 433                    | 0.0                        | 3,778        | 10.6 | 2.7  | 0.1%      | 27.7% |
| GAS | Dầu khí           | 105.5                   | 0.7%   | 1.5  | 8,779                  | 0.9                        | 6,092        | 17.3 | 4.6  | 3.6%      | 27.0% |
| PLX | Dầu khí           | 63.0                    | -0.8%  | 1.5  | 3,207                  | 1.4                        | 3,412        | 18.5 | 3.3  | 11.6%     | 18.2% |
| PVS | Dầu khí           | 23.2                    | 0.9%   | 1.7  | 482                    | 4.2                        | 2,433        | 9.5  | 0.9  | 24.6%     | 10.1% |
| BSR | Dầu khí           | 13.0                    | 1.6%   | 0.8  | 1,752                  | 0.5                        | 1,163        | 11.2 | 1.3  | 41.1%     | 11.0% |
| DHG | Dược              | 103.5                   | 2.0%   | 0.5  | 588                    | 0.0                        | 4,199        | 24.6 | 4.5  | 54.2%     | 19.0% |
| DPM | Hóa chất          | 16.0                    | -1.8%  | 0.7  | 272                    | 4.3                        | 1,289        | 12.4 | 0.8  | 22.4%     | 7.2%  |
| DCM | Hóa chất          | 8.2                     | -0.2%  | 0.7  | 188                    | 0.1                        | 978          | 8.4  | 0.7  | 2.7%      | 8.4%  |
| VCB | Ngân hàng         | 71.0                    | -0.7%  | 1.3  | 11,449                 | 5.5                        | 4,367        | 16.3 | 3.6  | 23.8%     | 24.5% |
| BID | Ngân hàng         | 32.5                    | -0.5%  | 1.5  | 4,831                  | 0.7                        | 2,150        | 15.1 | 2.1  | 3.1%      | 14.5% |
| CTG | Ngân hàng         | 21.4                    | 1.9%   | 1.6  | 3,464                  | 4.3                        | 1,481        | 14.5 | 1.1  | 30.0%     | 8.1%  |
| VPB | Ngân hàng         | 19.3                    | 0.5%   | 1.2  | 2,062                  | 1.9                        | 2,705        | 7.1  | 1.3  | 23.2%     | 19.7% |
| MBB | Ngân hàng         | 21.3                    | 0.0%   | 1.2  | 1,957                  | 2.0                        | 2,994        | 7.1  | 1.3  | 20.0%     | 20.2% |
| ACB | Ngân hàng         | 29.5                    | -0.3%  | 1.1  | 1,600                  | 1.1                        | 4,297        | 6.9  | 1.6  | 34.3%     | 27.1% |
| BMP | Nhựa              | 42.8                    | -0.5%  | 0.9  | 152                    | 0.1                        | 5,279        | 8.1  | 1.4  | 74.4%     | 17.0% |
| NTP | Nhựa              | 34.8                    | 0.0%   | 0.3  | 135                    | 0.1                        | 4,066        | 8.6  | 1.3  | 21.2%     | 16.3% |
| MSR | Tài nguyên        | 18.8                    | 1.1%   | 1.2  | 735                    | 0.1                        | 732          | 25.7 | 1.4  | 2.0%      | 5.6%  |
| HPG | Thép              | 23.7                    | 0.4%   | 1.0  | 2,845                  | 4.6                        | 2,956        | 8.0  | 1.6  | 51.2%     | 21.4% |
| HSG | Thép              | 7.7                     | 0.1%   | 1.5  | 142                    | 0.3                        | 251          | 30.9 | 0.6  | 17.0%     | 1.8%  |
| VNM | Tiêu dùng         | 125.5                   | 1.8%   | 0.8  | 9,502                  | 14.2                       | 5,349        | 23.5 | 7.7  | 59.2%     | 34.4% |
| SAB | Tiêu dùng         | 278.0                   | 1.1%   | 0.8  | 7,751                  | 0.1                        | 6,479        | 42.9 | 11.0 | 63.4%     | 28.0% |
| MSN | Tiêu dùng         | 84.0                    | 1.8%   | 1.2  | 4,248                  | 2.7                        | 4,545        | 18.5 | 3.2  | 40.6%     | 22.0% |
| SBT | Tiêu dùng         | 17.1                    | -0.3%  | 0.6  | 390                    | 2.2                        | 752          | 22.7 | 1.5  | 8.8%      | 6.1%  |
| ACV | Vận tải           | 86.3                    | 0.2%   | 0.8  | 8,169                  | 0.7                        | 2,630        | 32.8 | 6.1  | 3.6%      | 19.7% |
| VJC | Vận tải           | 123.2                   | -0.1%  | 1.1  | 2,901                  | 3.0                        | 9,850        | 12.5 | 4.8  | 19.8%     | 43.3% |
| HVN | Vận tải           | 43.2                    | -0.9%  | 1.7  | 2,664                  | 1.4                        | 1,747        | 24.7 | 3.4  | 9.9%      | 13.4% |
| GMD | Vận tải           | 26.2                    | 0.4%   | 0.8  | 338                    | 0.1                        | 2,245        | 11.6 | 1.3  | 49.0%     | 11.3% |
| PVT | Vận tải           | 16.4                    | 0.0%   | 0.7  | 201                    | 0.3                        | 2,387        | 6.9  | 1.2  | 32.6%     | 17.5% |
| VCS | Vật liệu xây dựng | 62.0                    | 0.0%   | 0.9  | 423                    | 0.2                        | 6,806        | 9.1  | 3.3  | 2.5%      | 43.4% |
| VGC | Vật liệu xây dựng | 21.0                    | 0.2%   | 0.8  | 408                    | 1.4                        | 1,385        | 15.1 | 1.5  | 12.2%     | 9.7%  |
| HT1 | Vật liệu xây dựng | 16.2                    | -1.2%  | 0.8  | 268                    | 0.1                        | 1,744        | 9.3  | 1.2  | 6.3%      | 12.6% |
| CTD | Xây dựng          | 97.5                    | 0.5%   | 0.8  | 324                    | 0.2                        | 17,122       | 5.7  | 0.9  | 46.0%     | 16.9% |
| VCG | Xây dựng          | 28.1                    | 0.7%   | 1.2  | 540                    | 1.2                        | 1,106        | 25.4 | 1.9  | 0.0%      | 8.3%  |
| CII | Xây dựng          | 22.6                    | 0.0%   | 0.5  | 243                    | 0.4                        | 337          | 67.1 | 1.1  | 53.5%     | 1.7%  |
| POW | Điện              | 15.4                    | -0.6%  | 0.6  | 1,568                  | 22.3                       | 820          | 18.8 | 1.5  | 14.9%     | 7.8%  |
| NT2 | Điện              | 26.5                    | -2.4%  | 0.6  | 332                    | 0.3                        | 2,446        | 10.8 | 2.0  | 22.7%     | 15.5% |

## Thống kê thị trường

### Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

| CK  | Giá    | %    | Index pt | KLGD      |
|-----|--------|------|----------|-----------|
| VNM | 125.50 | 1.78 | 1.15     | 2.61MLN   |
| SAB | 278.00 | 1.09 | 0.58     | 9220.00   |
| MSN | 84.00  | 1.82 | 0.52     | 739810.00 |
| CTG | 21.40  | 1.90 | 0.45     | 4.66MLN   |
| GAS | 105.50 | 0.67 | 0.40     | 194280.00 |

### Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

| CK  | Giá   | %    | Index pt | KLGD      |
|-----|-------|------|----------|-----------|
| PVS | 23.20 | 0.87 | 0.05     | 4.14MLN   |
| DNP | 14.30 | 5.15 | 0.04     | 2000.00   |
| DGC | 28.00 | 1.08 | 0.02     | 211400.00 |
| NTH | 28.20 | 9.73 | 0.02     | 100.00    |
| VCG | 28.10 | 0.72 | 0.01     | 986900.00 |

### Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

| CK  | Giá    | %     | Index pt | KLGD      |
|-----|--------|-------|----------|-----------|
| VIC | 114.50 | -1.29 | -1.50    | 594210.00 |
| VCB | 71.00  | -0.70 | -0.55    | 1.79MLN   |
| VRE | 34.30  | -1.72 | -0.42    | 1.96MLN   |
| PLX | 63.00  | -0.79 | -0.19    | 501900.00 |
| BVH | 79.50  | -1.12 | -0.19    | 483210.00 |

### Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

| CK  | Giá   | %     | Index pt | KLGD      |
|-----|-------|-------|----------|-----------|
| ACB | 29.50 | -0.34 | -0.13    | 825500.00 |
| DBC | 21.90 | -7.98 | -0.12    | 59900.00  |
| SHB | 7.00  | -1.41 | -0.11    | 2.65MLN   |
| SHS | 10.20 | -0.97 | -0.01    | 646800.00 |
| DTD | 13.60 | -5.56 | -0.01    | 223500.00 |

### Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

| CK  | Giá   | %    | Index pt | KLGD    |
|-----|-------|------|----------|---------|
| TN1 | 54.20 | 6.90 | 0.01     | 1120.00 |
| CCL | 5.45  | 6.86 | 0.01     | 1.10MLN |
| TDW | 23.50 | 6.82 | 0.00     | 240.00  |
| TCT | 57.60 | 6.67 | 0.01     | 5980.00 |
| TMS | 28.75 | 6.48 | 0.03     | 90.00   |

### Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

| CK  | Giá   | %     | Index pt | KLGD     |
|-----|-------|-------|----------|----------|
| SPI | 1.00  | 11.11 | 0.00     | 92400.00 |
| ARM | 57.20 | 10.00 | 0.00     | 5000.00  |
| BXH | 15.40 | 10.00 | 0.00     | 1000.00  |
| FID | 1.10  | 10.00 | 0.00     | 200.00   |
| L61 | 24.20 | 10.00 | 0.01     | 100.00   |

### Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

| CK  | Giá   | %     | Index pt | KLGD      |
|-----|-------|-------|----------|-----------|
| HVX | 3.07  | -6.97 | 0.00     | 20.00     |
| VSI | 29.70 | -6.90 | -0.01    | 1420.00   |
| TNI | 10.95 | -6.81 | -0.01    | 591480.00 |
| ABT | 39.00 | -6.70 | -0.01    | 10.00     |
| CLW | 17.70 | -6.60 | -0.01    | 10.00     |

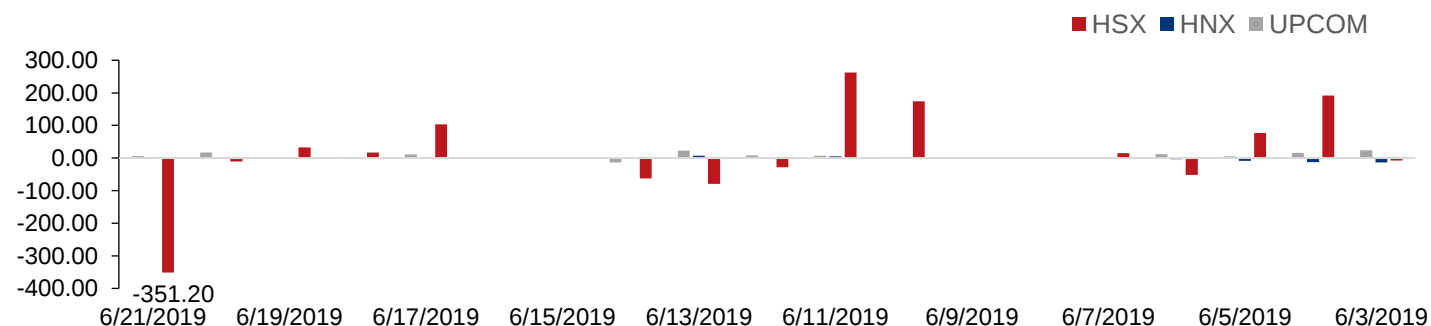
### Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

| CK  | Giá   | %      | Index pt | KLGD      |
|-----|-------|--------|----------|-----------|
| KSK | 0.20  | -33.33 | 0.00     | 325400.00 |
| VMI | 0.50  | -16.67 | 0.00     | 1400.00   |
| BII | 0.90  | -10.00 | -0.01    | 83700.00  |
| VHE | 25.20 | -10.00 | -0.01    | 14200.00  |
| AME | 7.30  | -9.88  | 0.00     | 1500.00   |

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

### Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

## Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

| STT | Tên báo cáo                                   | Loại báo cáo    | Mã cổ phiếu liên quan | Link tải báo cáo      | Link dự phòng |
|-----|-----------------------------------------------|-----------------|-----------------------|-----------------------|---------------|
| 1   | Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 04.2019_Hồi phục từ   | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 2   | Vĩ Mô &Thị Trường Quý I.2019_Nhiều thông tin  | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 3   | BSC_Báo cáo Tổng kết KQKD 2018                | Phân tích ngành |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 4   | 2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 5   | 2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp             | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 6   | BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019      | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 7   | Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN          | Phân tích ngành |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 8   | BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN             | Phân tích ngành |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 9   | BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018          | Phân tích ngành |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 10  | VM_M11_Giao dịch giảm co, toan tính cho 2019  | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 11  | Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 12  | Vĩ mô_Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III     | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 13  | BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE                | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 14  | Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE      | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 15  | BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2018          | Phân tích ngành |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 16  | BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2018          | Phân tích ngành |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 17  | Vĩ mô_Tháng 07_Phân hóa sau mùa KQKD quý II   | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 18  | Vĩ mô 2018M6_Ấn số từ các yếu tố bên ngoài    | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 19  | Vĩ mô 2018M5_Phục hồi từ hoạt động đầu tư cơ  | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 20  | tin_20180503                                  | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |

## Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

| STT | Mã  | Ngành        | Khuyến nghị | Ngày ra báo cáo | Giá ngày ra báo cáo | Giá mục tiêu | Giá hiện tại | EPS    | P/E  | P/B | Link tải báo cáo      | Link dự phòng |
|-----|-----|--------------|-------------|-----------------|---------------------|--------------|--------------|--------|------|-----|-----------------------|---------------|
| 1   | DXG | Bất động sản | Mua         | 22/03/2019      | 22.5                | 30.5         | 19.1         | 3,364  | 5.7  | 1.3 | <a href="#">Click</a> |               |
| 2   | CTD | Xây dựng     | Theo dõi    | 22/03/2019      | 142.0               | 153.6        | 97.5         | 17,122 | 5.7  | 0.9 | <a href="#">Click</a> |               |
| 3   | CSV | Hóa chất     | Theo dõi    | 21/03/2019      | 32.3                | 36.6         | 27.9         | 5,748  | 4.9  | 1.4 | <a href="#">Click</a> |               |
| 4   | PVT | Vận tải      | Theo dõi    | 21/03/2019      | 17.9                | 19.2         | 16.4         | 2,387  | 6.9  | 1.2 | <a href="#">Click</a> |               |
| 5   | ACB | Ngân hàng    | Theo dõi    | 7/3/2019        | 30.4                | 32.7         | 29.5         | 4,297  | 6.9  | 1.6 | <a href="#">Click</a> |               |
| 6   | TCB | Ngân hàng    | Theo dõi    | 7/3/2019        | 26.8                | 31.2         | 20.8         | 2,430  | 8.6  | 1.4 | <a href="#">Click</a> |               |
| 7   | GMD | Cảng biển    | Theo dõi    | 7/3/2019        | 27.8                | 29.1         | 26.2         | 2,245  | 11.6 | 1.3 | <a href="#">Click</a> |               |
| 8   | SBT | Mía đường    | Theo dõi    | 1/3/2019        | 19.8                | 21.2         | 17.1         | 752    | 22.7 | 1.5 | <a href="#">Click</a> |               |
| 9   | PHR | Cao su       | Theo dõi    | 6/3/2019        | 44.6                | 44.5         | 58.9         | 4,852  | 12.1 | 2.9 | <a href="#">Click</a> |               |
| 10  | MSN | Thực phẩm    | Theo dõi    | 4/3/2019        | 89.5                | 91.0         | 84.0         | 4,545  | 18.5 | 3.2 | <a href="#">Click</a> |               |
| 11  | DGW | Công nghệ    | Mua         | 27/3/2019       | 23.1                | 27.4         | 21.5         | 2,862  | 7.5  | 1.1 | <a href="#">Click</a> |               |
| 12  | HDG | Bất động sản | Mua         | 8/4/2019        | 42.5                | 58.0         | 32.3         | 6,952  | 4.6  | 1.9 | <a href="#">Click</a> |               |
| 13  | HT1 | Xây dựng     | Mua         | 4/4/2019        | 16.2                | 18.4         | 16.2         | 1,744  | 9.3  | 1.2 | <a href="#">Click</a> |               |
| 14  | PVI | Bảo hiểm     | Mua         | 25/03/2019      | 36.0                | 41.7         | 37.1         | 2,459  | 15.1 | 1.2 | <a href="#">Click</a> |               |
| 15  | HBC | Xây dựng     | Theo dõi    | 29/3/2019       | 18.5                | 20.1         | 15.7         | 2,807  | 5.6  | 1.1 | <a href="#">Click</a> |               |
| 16  | FPT | Công nghệ    | Mua         | 25/04/2019      | 48.6                | 59.1         | 45.4         | 4,061  | 11.2 | 2.3 | <a href="#">Click</a> |               |
| 17  | BCC | Xi măng      | Mua         | 16/05/2019      | 9.1                 | 11.2         | 8.1          | 1,113  | 7.3  | 0.5 | <a href="#">Click</a> |               |
| 18  | VHC | Thủy sản     | Mua         | 14/05/2019      | 91.5                | 108.6        | 87.0         | 17,884 | 4.9  | 1.9 | <a href="#">Click</a> |               |
| 19  | DRC | Cao su       | Theo dõi    | 14/05/2019      | 22.3                | 25.2         | 18.5         | 1,154  | 16.0 | 1.4 | <a href="#">Click</a> |               |
| 20  | TNG | Dệt may      | Theo dõi    | 08/05/2019      | 20.8                | 21.0         | 18.9         | 3,307  | 5.7  | 1.3 | <a href="#">Click</a> |               |



## TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



**Trợ lý phân tích định lượng (kim):** gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



**Trợ lý phân tích cơ bản (mộc):** có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



**Trợ lý báo cáo phân tích (thủy):** Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.

Sử dụng iBroker tại đây  
Bản công bố rủi ro

[Link](#)  
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng  
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)  
[Link](#)

## Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

| Mã gõ báo cáo | Ngày      | Nội dung tóm tắt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|---------------|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| FRT 2019Q2    | 20/6/2019 | FRT đặt kế hoạch DT và LN năm 2019 lần lượt là 17,700 tỷ (+16% YoY) và 418 tỷ (+20% YoY). Trong đó, DT chuỗi FPT – Shop và F -Studio dự kiến đạt 11,825 tỷ (+5% YoY); DT Online dự kiến đạt 3,500 tỷ (+44% YoY); DT Chương trình F – Friends và Subsidy dự kiến đạt 1,875 tỷ (+18.8% YoY) và DT từ chuỗi Long Châu là 500 tỷ (+30.2% YoY). EPS FW 2019 là 6,147 VND/cp, PE FW là 8.13.                                                                                                                                                                                       |
| VIB 2019Q2    | 19/6/2019 | Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 21597; Giá tại Publish 16400. EPS 3307; PE 5.9x; PB 1x. BSC điều chỉnh dự báo VIB lên mức TOI và PBT lần lượt đạt mức 7,606 tỷ VND (+25% yoy) và 3,250 tỷ VND (+18.5% yoy) với giả định (1) tăng trưởng tín dụng đạt mức 34% trong năm 2019 do VIB đã hoàn thành Basel II trước thời hạn và được hưởng cơ chế tăng trưởng tín dụng mới, (2) TTS +31.8% yoy, cho vay +35.3% yoy, huy động +46.6% yoy, (3) NIM = 3.95%, tăng 13 bps nhờ việc tiếp tục tập trung cơ cấu các khoản vay lãi suất cao hơn, (4) NPL = 2%, tỷ lệ bao nợ xấu ở mức 40%. |
| DRC 2019Q2    | 18/6/2019 | BSC dự báo, năm 2019, DTT và LNST của DRC lần lượt đạt 3,624 tỷ VND (+2.1% yoy) và 141 tỷ VND (+0% yoy), tương đương EPS 2019 là 1,068 VND/cp (P/E F 2019 = 20.9x, thấp hơn so với trung bình ngành Việt Nam hiện tại là 25x). Dựa báo này dựa trên giả định (1) sản lượng tiêu thụ lốp bias giảm 5% so với năm 2018, sản lượng lốp Radial = 400,000 lốp (+6.5% yoy), (2) giá bán các loại sảm lốp không thay đổi, (3) giá cao su tự nhiên không đổi, giá cao su nhân tạo +5% yoy, giá hóa chất và than đen +10% yoy.                                                        |
| ACB 2019Q2    | 11/6/2019 | BSC dự báo, ACB sẽ ghi nhận TOI và PBT lần lượt đạt mức 15,915 tỷ VND (+13.4% yoy) và 7,205 tỷ VND (+12.8% yoy), không thay đổi nhiều so với dự báo trước của chúng tôi với giả định (1) tăng trưởng tín dụng +13% trong năm 2019, bằng mức cho phép của SBV, (2) NIM = 3.49%, giảm nhẹ so với mức 3.55% trong năm 2018 do xu hướng tăng lãi suất huy động, (3) NPL = 0.73%, tỷ lệ bao nợ xấu = 160%, (4) thu hồi nợ xấu ngoại bảng = 2,000 tỷ VND.                                                                                                                          |



**BSC Invest**  
Your Money. You invest

- Bạn không có thời gian để đầu tư
- Bạn băn khoăn với biến động thị trường
- Bạn cần hỗ trợ để đầu tư hiệu quả

**I-INVEST LÀ CÔNG CỤ BẠN ĐANG TÌM KIẾM**

[Tìm hiểu thêm](#)

BSC i-Invest là nền tảng giao dịch trực tuyến kiểu mới dành cho khách hàng của BSC. Khác với phương thức quen thuộc là đặt lệnh theo từng mã cổ phiếu, i-Invest sử dụng phương thức quản lý và thực hiện mua bán theo danh mục đầu tư. Dựa vào nhu cầu, đặc điểm, mức độ ưa thích rủi ro của khách hàng, hệ thống i-Invest ngay lập tức đưa ra danh mục đầu tư phù hợp với kỳ vọng lợi nhuận tốt nhất cho khách hàng.

Sử dụng i-Invest tại đây  
Bản công bố rủi ro

[Link](#)  
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng  
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)  
[Link](#)

## Báo cáo cập nhật danh mục trên i-Invest

| Danh mục               | Hiệu suất danh mục                                                                                                                                                                                                                                                      |        |         |         |         |        |        |         |
|------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|---------|---------|---------|--------|--------|---------|
|                        | 1 ngày                                                                                                                                                                                                                                                                  | 1 tuần | 1 tháng | 3 tháng | 6 tháng | 1 năm  | 3 năm  | 5 năm   |
| Chủ đề                 | Bảng bao gồm 4 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.                                                                                                                                                                           |        |         |         |         |        |        |         |
| Dầu khí                | 0.40%                                                                                                                                                                                                                                                                   | 2.71%  | -3.91%  | 3.89%   | 11.87%  | 21.77% | 16.16% | 1.15%   |
| Top 10 cổ phiếu VN30   | 0.26%                                                                                                                                                                                                                                                                   | 0.74%  | -1.53%  | -2.19%  | 2.88%   | 1.69%  | 48.96% | 192.61% |
| Hàng tiêu dùng         | 0.25%                                                                                                                                                                                                                                                                   | -0.29% | -3.88%  | 0.57%   | 8.37%   | 7.29%  | 61.15% | 234.68% |
| Ngân hàng              | 0.21%                                                                                                                                                                                                                                                                   | 2.41%  | -1.29%  | -5.83%  | 0.37%   | -7.98% | 60.27% | 122.86% |
| Chiến tranh thương mại | -0.34%                                                                                                                                                                                                                                                                  | -0.24% | -0.76%  | -0.59%  | 4.45%   | 17.77% | 23.66% | 159.98% |
| Nước & Năng lượng      | -0.81%                                                                                                                                                                                                                                                                  | 1.46%  | -0.65%  | 3.42%   | 14.89%  | 28.55% | 63.70% | 127.84% |
| * Note                 | Danh mục Dầu khí hôm nay có mức tăng giá 0.40% nhờ vào tin hỗ trợ từ sự phục hồi của giá dầu thế giới. Danh mục Nước & Năng lượng có mức giảm giá ngày -0.81%, tuy nhiên danh mục này bao gồm những cổ phiếu thuộc ngành phòng thủ, ít bị ảnh hưởng bởi các biến vĩ mô. |        |         |         |         |        |        |         |

|             |                                                                                               |        |        |        |        |        |         |         |
|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|--------|--------|--------|--------|--------|---------|---------|
| Mục tiêu    | Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất. |        |        |        |        |        |         |         |
| Danh mục 5  | 0.45%                                                                                         | 1.12%  | -3.85% | -3.02% | 3.47%  | 1.90%  | 77.61%  | 154.52% |
| Danh mục 18 | 0.41%                                                                                         | 0.54%  | -5.79% | -2.67% | 11.87% | 16.08% | 109.29% | 257.51% |
| Danh mục 12 | 0.40%                                                                                         | 0.39%  | -5.66% | -3.08% | 11.85% | 15.02% | 118.46% | 279.86% |
| Danh mục 9  | -0.29%                                                                                        | 0.21%  | -4.28% | -2.64% | 3.65%  | 6.27%  | 43.77%  | 142.68% |
| Danh mục 3  | -0.76%                                                                                        | -0.92% | -3.39% | -5.51% | 2.63%  | -4.01% | 30.11%  | 121.87% |
| * Note      |                                                                                               |        |        |        |        |        |         |         |

|                |                                                                                               |        |        |        |        |        |         |         |
|----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|--------|--------|--------|--------|--------|---------|---------|
| Khẩu vị Rủi ro | Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất. |        |        |        |        |        |         |         |
| Danh mục 21    | 0.62%                                                                                         | 1.05%  | -3.62% | 0.50%  | 3.60%  | 2.30%  | 36.64%  | 56.45%  |
| Danh mục 19    | 0.16%                                                                                         | 0.35%  | -1.54% | -1.18% | 7.69%  | 6.43%  | 54.90%  | 124.69% |
| Danh mục 23    | -0.22%                                                                                        | -0.37% | -4.48% | -5.59% | 2.89%  | 9.06%  | 104.46% | 218.85% |
| Danh mục 25    | -0.39%                                                                                        | 1.34%  | -1.36% | -0.69% | 15.41% | 34.07% | 156.21% | 260.09% |
| Danh mục 20    | -0.84%                                                                                        | -0.90% | -2.19% | -4.21% | 2.43%  | 9.66%  | 22.10%  | 179.50% |
| * Note         |                                                                                               |        |        |        |        |        |         |         |

|           |       |       |        |        |        |        |        |        |
|-----------|-------|-------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|
| INDEX     |       |       |        |        |        |        |        |        |
| VNINDEX   | 0.00% | 0.59% | -2.50% | -2.98% | 5.15%  | -1.05% | 52.74% | 71.05% |
| VN30INDEX | 0.22% | 0.57% | -3.47% | -5.01% | -0.75% | -9.34% | 38.21% | 42.70% |

\*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

\*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

## Khuyến cáo sử dụng

*Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.*

### **BSC Trụ sở chính**

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

### **BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: BSCV <GO>

